

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 519/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 02 - 11 - 2018
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ng Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn;

Ông Mai Minh Chánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 247/2018/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Trần Ng L, sinh năm 1983. (Có mặt).

- ***Bị đơn:*** Anh Lê Văn L1, sinh năm 1983. (Vắng mặt).

Cùng trú: Tổ 11, ấp Bình T, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Ng L trình bày: Chị và anh L1 chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VTT. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau. Cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, anh L1 có quan

hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị và anh đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị L xin ly hôn với anh L1.

Con chung: Chị L và anh L1 chung sống được 02 con chung tên Lê Ngọc Phi P, sinh ngày 21/01/2009; Lê Thị Kim Ng, sinh ngày 30/8/2013 đang ở với chị L. Ly hôn chị L yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Lê Văn L1, Tòa án đã tổng đạt hợp L thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh L1 vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L1.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L1, yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Anh L1 vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp L nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, biên bản xác minh tại địa phương cho biết: Mâu thuẫn giữa chị L và anh L1 thế nào địa phương không rõ do không báo ban ấp can thiệp. Tại phiên tòa, chị L cho rằng chị và anh L1 chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau, anh L1 không quan tâm vợ con, nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L yêu cầu ly hôn với anh L1 là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Ngọc Phi P, sinh ngày 21/01/2009; Lê Thị Kim Ng, sinh ngày 30/8/2013, sau khi vợ chồng ly thân đến nay 02 cháu do chị L chăm sóc nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung và theo nguyện vọng của con nên đề nghị giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh L1 thường trú tại ấp Bình T, xã Bình L1, huyện CP, tỉnh An Giang. Chị L khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh L1 được Tòa án nhân dân huyện CP tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp L, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị L và anh L1 chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VTT vào năm 2007, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh L1, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng như tại phiên tòa thấy rằng: Chị L và anh L1 chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, anh L1 không quan tâm vợ con. Đồng thời tại phiên tòa, chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân hơn từ năm 2017 đến nay, không còn tình cảm nên kiên quyết xin ly hôn. Tòa án đã triệu tập anh L1 để tiến hành hòa giải nhưng anh L1 không đến tham dự. Hội đồng xét xử xét thấy anh L1 không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc Phi P, sinh ngày 21/01/2009; Lê Thị Kim Ng, sinh ngày 30/8/2013. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay chị L đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung ổn định. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Bảo đảm quyền lợi về mọi mặt

của con chung và theo nguyện vọng của cháu Phung muốn ở với mẹ, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung tên Lê Ngọc Phi P, sinh ngày 21/01/2009; Lê Thị Kim Ng, sinh ngày 30/8/2013 cho chị L được trực tiếp nuôi con là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh L1 thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Trần Ng L được ly hôn với anh Lê Văn L1.

Về con chung:

Giao 02 con chung tên Lê Ngọc Phi P, sinh ngày 21/01/2009; Lê Thị Kim Ng, sinh ngày 30/8/2013 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê Văn L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L trực tiếp nuôi con cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở anh L1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Chị Trần Ng L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002356 ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp L.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện CP;
- UBND xã VTT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ng Mỹ